

Bản án số: **29/2022/HNGĐ- ST**

Ngày : 23-5-2022

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hà Vi**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Phan Thị Hà**

2. Bà **Phan Thị Nga**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Ka Hít**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 244/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Anh **Vũ Hồng T**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn Lộc Thắng, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

*- Bị đơn:* Chị **Trần Thị Bích N**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn Lộc Thắng, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

*(Anh Vũ Hồng T có mặt, chị Trần Thị Bích N vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Vũ Hồng T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Hồng T và chị Trần Thị Bích N chung sống với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lộc Thắng, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do chị N ngoại tình. Chị N đã bỏ nhà đi từ ngày 28/01/2009 cho đến nay để chung sống với người khác nên anh T không có thông tin hay tin tức gì từ chị N. Anh T đã yêu cầu Tòa án tuyên

bố chị N mất tích tại quyết định số 07/2021/QĐST- VDS ngày 19/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã tuyên bố chị N mất tích từ ngày 28/01/2009. Nay tình cảm vợ chồng không còn do vậy anh Vũ Hồng T yêu cầu giải quyết được ly hôn với chị Trần Thị Bích N.

Về con chung: Anh Vũ Hồng T trình bày quá trình chung sống anh và chị Trần Thị Bích N có 02 người con chung tên là Vũ Thị N Linh, sinh ngày 21/12/2002 và Vũ Thị Thanh L, sinh ngày 09/01/2004. Do các con chung đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không có bệnh tật gì phải sống phụ thuộc vào cha mẹ do vậy anh Vũ Hồng T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Vũ Hồng T trình bày anh và chị Trần Thị Bích N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Vũ Hồng T trình bày anh và chị Trần Thị Bích N không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện B đã triệu tập họp lệ chị Trần Thị Bích N nhiều lần để làm việc về nội dung khởi kiện nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 12/4/2022 nhưng không được.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Vũ Hồng T và chị Trần Thị Bích N được ly hôn. Về con chung do 02 người con chung là Vũ Thị N Linh, sinh ngày 21/12/2002 và Vũ Thị Thanh L, sinh ngày 09/01/2004 đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không có bệnh tật gì phải sống phụ thuộc vào cha mẹ do vậy đề nghị HĐXX không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung không xem xét, về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **I. Về thủ tục tố tụng:**

Bị đơn chị Trần Thị Bích N đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

### **II. Về nội dung vụ án:**

{1} Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Hồng T và chị Trần Thị Bích N chung sống với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lộ Thắng, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do chị N ngoại tình. Chị N đã bỏ nhà đi từ ngày 28/01/2009 cho đến nay để chung sống với người khác nên anh T không có thông tin hay tin tức gì từ chị N. Anh T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị N mất tích tại quyết định số 07/2021/QĐST- VDS ngày 19/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã tuyên bố chị N mất tích từ ngày 28/01/2009. Từ ngày 19/4/2022 đến nay chị N cũng không có mặt tại địa phương. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh T yêu cầu được giải quyết ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Trần Thị Bích N không có mặt nên hòa giải không T. Tại phiên tòa anh Vũ Hồng T yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Bích N, còn chị Trần Thị Bích N cho đến hiện nay vẫn không có tin tức gì và cũng không có mặt tại địa phương. Xét thấy hôn nhân đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai người đã không còn nắm bắt thông tin gì được của nhau, không hàn gắn tình cảm được nên căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử anh Vũ Hồng T và chị Trần Thị Bích N được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

{2} Về con chung: Xét lời khai của anh Vũ Hồng T, căn cứ vào giấy khai sinh anh Vũ Hồng T nộp cho Tòa án thì quá trình chung sống anh T và chị N có 02 người con chung là Vũ Thị N Linh, sinh ngày 21/12/2002 và Vũ Thị Thanh L, sinh ngày 09/01/2004. Do các con chung đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không có bệnh tật gì phải sống phụ thuộc vào cha mẹ nên không xem xét giải quyết.

{3} Về tài sản chung: Anh Vũ Hồng T trình bày quá trình chung sống anh và chị Trần Thị Bích N không có tài sản chung và không có yêu cầu giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{4} Về nợ chung: Anh Vũ Hồng T trình bày quá trình chung sống anh và chị Trần Thị Bích N không có nợ chung nên không có yêu cầu gì do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{5} Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc anh Vũ Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Hồng T đối với chị Trần Thị Bích N về việc “*Xin ly hôn*”.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho anh Vũ Hồng T và chị Trần Thị Bích N được ly hôn.

**2. Về án phí:** Buộc anh Vũ Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Vũ Hồng T đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0004191 ngày 13/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND TT Lộc Thắng, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Thị Hà Vi**



















